

Số: 161 /TB-VP

Cư Jút, ngày 23 tháng 12 năm 2021

THÔNG BÁO
Về việc sử dụng thống nhất một số số liệu
chung trên địa bàn huyện

Căn cứ Nghị quyết số 1190/NQ-UBTVQH14 ngày 12/01/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thuộc tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ Công văn số 587/CTK-XH ngày 07/12/2021 của Cục Thống kê Đắk Nông về thông báo số liệu dân số trung bình sơ bộ năm 2021;

Căn cứ Báo cáo số 482/BC-UBND ngày 30/11/2021 của UBND huyện Cư Jút về kết quả thực hiện Kế hoạch nhà nước năm 2021 và xây dựng Kế hoạch năm 2022.

Căn cứ Báo cáo số 538/BC-UBND ngày 22/12/2021 của UBND huyện Cư Jút về kết quả tổng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình năm 2021.

Văn phòng HĐND&UBND huyện thông báo một số số liệu chủ yếu được dùng chung trên địa bàn huyện như sau (*thời gian cập nhật đến ngày 25/12/2021*):

- Tổng diện tích tự nhiên của huyện: 723,26 km².
 - Huyện có 8 đơn vị hành chính cấp xã gồm 07 xã và 01 thị trấn.
 - Quy mô dân số 96.871 người.
 - Mật độ dân số 133,94 người/km².
- Số đơn vị tự quản thôn, buôn, bon, TDP phân theo xã, phường, thị trấn: 124 thôn, buôn, bon, trong đó có 104 Thôn, 6 Buôn, 4 Bon và 10 TDP.
- Tổng diện tích đất rừng và đất lâm nghiệp trên địa bàn huyện là 40.273,92 ha, trong đó: Diện tích trong quy hoạch 3 loại rừng: 37.081,04 ha và diện tích ngoài 3 loại rừng: 3.192,88 ha.
- Độ che phủ rừng bao gồm cây cao su, cây đặc sản: 55,25%.
- Tăng trưởng kinh tế năm 2021 là 7,75%, trong đó: Giá trị sản xuất công nghiệp và xây dựng cơ bản tăng 9%; giá trị thương mại dịch vụ tăng 7%; giá trị nông lâm nghiệp tăng 3%.
- Cơ cấu kinh tế năm 2021: Tỷ trọng ngành công nghiệp xây dựng cơ bản chiếm 41%, thương mại dịch vụ chiếm 35%, nông lâm nghiệp chiếm 24%.
 - Thu nhập bình quân đầu người năm 2021: 48,3 triệu đồng/người/năm.



7. Tổng diện tích gieo trồng năm 2021 là 40.406ha; tổng sản lượng lương thực có hạt 104.250 tấn. Giá trị thu nhập bình quân/01ha đất canh tác là 82 triệu đồng.

8. Thành phần dân tộc: 25 dân tộc (02 DTTSTC là dân tộc Ê Đê và dân tộc Mnông). Trong đó : Dân tộc kinh 48.830 người, chiếm tỷ lệ 50,41%; dân tộc Ê Đê 4.954 người, chiếm tỷ lệ 5,1%; dân tộc Mnông 2.344 người, chiếm tỷ lệ 2,42%; dân tộc khác 40.743 người, chiếm tỷ lệ 42,07%.

9. Tôn giáo: Có 3 thành phần tôn giáo chính là Công giáo, Tin lành, Phật giáo và một số tôn giáo khác. Tổng số tín đồ toàn huyện là 30.909 người, trong đó: Công giáo 17.904 người; Tin lành 10.040 người; Phật giáo 2.879 người; Cao đài 77 người; Hòa Hảo 8 người; Đạo hồi 1 người.

10. Tỷ lệ hộ nghèo năm 2021: 1.669 hộ với 7.746 khẩu, chiếm tỷ lệ 7,47%, trong đó: Tỷ lệ hộ nghèo trong vùng ĐBDTTS 270 hộ với 1.377 khẩu, chiếm tỷ lệ 18,78%; hộ cận nghèo 1.405 hộ với 6.407 khẩu, chiếm tỷ lệ 6,29%.

Thông báo này thay thế cho Thông báo số 32/TB-VP ngày 17/3/2021 của Văn phòng HĐND&UBND huyện.

Vậy, Văn phòng HĐND&UBND huyện thông báo cho các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể, UBND các xã, thị trấn, các đơn vị liên quan biết và sử dụng thống nhất trong các báo cáo định kỳ, báo cáo chuyên đề của ngành, đơn vị mình./.

Nơi nhận:

- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND huyện;
- UBMTQVN và các tổ chức đoàn thể huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Các ban HĐND huyện;
- Văn phòng Huyện ủy;
- Các phòng, ban, cơ quan đơn vị;
- UBND các xã, thị trấn;
- CVP, PVP, CVTH;
- Lưu: VT, VP.

**KT.CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



mm

Nguyễn Thị Kim Huệ

